

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 80/2023/DS-ST  
Ngày 27-4-2023  
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Minh Luân**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Nguyễn Minh Trọn**

Bà **Phạm Hồng Ân**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Châu Sơn Ca** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2022/TLST-DS ngày 07/10/2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2023/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Việt S**, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: K1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Bà **Đỗ Phượng L**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: K 8, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày:*

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 ông Nguyễn Việt S có bán cho bà Đỗ Phượng L loa kéo Matix 4T15-3 nợ ông S số tiền 12.500.000 đồng. Bà Đỗ Phượng L có ký biên nhận nợ, theo thỏa thuận đến ngày 20 tháng 5 năm 2021 sẽ trả tiền cho ông S. Khi đến hạn trả tiền bà Đỗ Phượng L có trả được số tiền 2.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.000.000 đồng. Ông S nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán nợ, nhưng cứ hẹn mà không trả tiền. Bà L và ông Phạm Văn H là Vợ chồng, bà L mua loa kéo về phục vụ chung trong gia đình nên yêu cầu ông Phạm Văn H có trách nhiệm cùng với bà L trả số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H trả cho ông S số tiền 8.750.000 đồng. Ông S xin rút lại yêu cầu với số tiền 1.250.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Nguyễn Việt S khởi kiện bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H nhưng bà L, ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H là phù hợp với quy định.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Việt S khởi kiện bị đơn bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền mua loa kéo nợ số tiền 8.750.000 đồng. Xét tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] Xét về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S xác định ngày 20 tháng 4 năm 2021 ông Nguyễn Việt S có bán cho bà Đỗ Phượng L loa kéo Matix 4T15-3 nợ ông S số tiền 12.500.000 đồng, theo thỏa thuận đến ngày 20 tháng 5 năm 2021 sẽ trả tiền cho ông S. Bà L có trả được số tiền 3.750.000 đồng, còn nợ lại số tiền 8.750.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Việt S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H trả cho ông S số tiền 8.750.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy Biên nhận nợ ngày 20 tháng 4 năm 2021 nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có ký tên và ghi tên Đỗ Phượng L nhưng không có người chứng kiến và không có người xác nhận, nhưng sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H nhưng bị đơn bà L, ông H vẫn không có ý kiến gì. Như vậy bị đơn ông H đã thừa nhận nợ chung và còn nợ nguyên đơn ông S số tiền 8.750.000 đồng nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc bị đơn là bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Việt S số tiền 8.750.000 đồng là phù hợp.

Xét đối với rút một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 1.250.000 đồng, xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu số tiền 1.250.000 đồng là tự nguyện, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Việt S. Buộc bị đơn bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Việt S số tiền 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Đình chỉ đối với rút một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 1.250.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đỗ Phượng L, ông Phạm Văn H phải chịu 437.500 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0018256 ngày 07 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được được hoàn lại.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Minh Luân**

